

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF4
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	28/02/2008
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	16/12/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN.
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.93%
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi.
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	294.3
Số lượng CCQ đang lưu hành	27,961,271.1
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	11,074.4
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,737.4
Tỷ lệ chi phí (%)	2.4
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	111.5

Bà Phan Thị Thu Thảo - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quỹ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư.

Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VFMVF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ. Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn, Quỹ VFMVF4 cũng có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) không vượt quá 20% tổng tài sản của Quỹ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Thị trường trong tháng 11 giảm nhẹ 5.6% sau khi đạt đỉnh 617 điểm vào ngày 6/11/2015. Giá trị tài sản ròng của Quỹ VF4 cũng chịu tác động của thị trường và giảm 3.8%, thấp hơn mức giảm của VNIndex.

Một vài điểm sáng trong danh mục như một số cổ phiếu thuộc ngành Bất động sản (KDH, BCI), ngành Vận tải (SKG) hay ngành Thực phẩm (VNM) có tăng trưởng dương ngược lại xu hướng của thị trường giúp hãm lại đà giảm của danh mục cổ phiếu. Ngoài ra, ảnh hưởng giảm lớn nhất tới VNIndex là nhóm Ngân hàng chiếm tới hơn 25% tỷ trọng thị trường nhưng do VF4 nắm giữ tỷ trọng thấp hơn (chỉ 10.4% NAV) nên mức độ ảnh hưởng cũng thấp hơn. Chúng tôi cho rằng giai đoạn cuối năm này khi thị trường điều chỉnh giảm ngắn hạn trước áp lực rút vốn của nhà đầu tư nước ngoài khi FED phát đi tín hiệu sẽ tăng lãi suất trong tháng 12 là thời điểm tốt để phân bổ lại tài sản, xây dựng danh

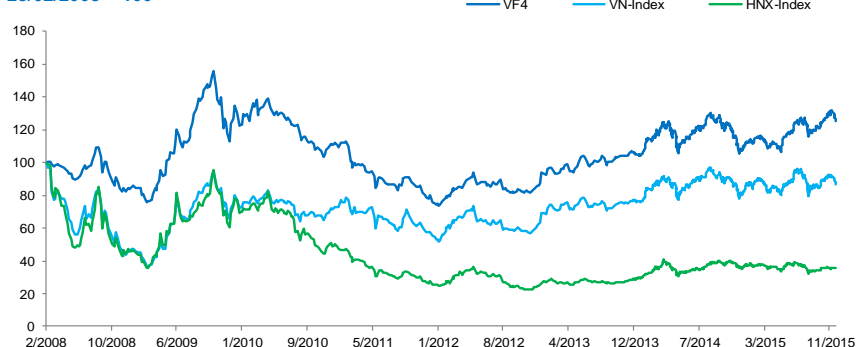
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Luỹ kế từ đầu năm	Luỹ kế 12 tháng	Luỹ kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VFMVF4	10,526.0	(3.8)	6.0	17.3	10.6	25.3 (*)
VN-Index	573.2	(5.6)	1.5	5.1	1.2	(13.6)
HNX-Index	80.6	(2.0)	4.8	(2.9)	(7.8)	(64.7)

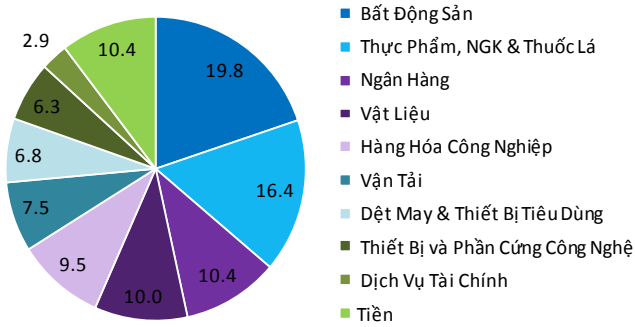
(*) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI INDEX

28/02/2008 = 100



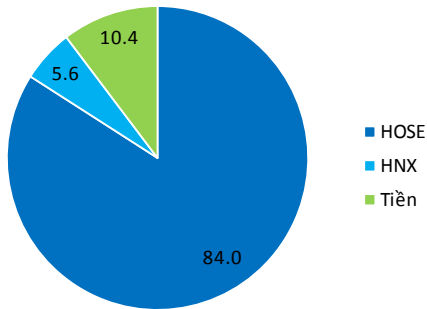
CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



10 CỔ PHIẾU CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn	% NAV
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	16.4
BMP	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	7.1
TCM	Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	HOSE	6.8
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	6.3
HPG	Vật Liệu	HOSE	4.9
VIC	Bất Động Sản	HOSE	4.8
KDH	Bất Động Sản	HOSE	4.7
VCB	Ngân Hàng	HOSE	4.6
SJS	Bất Động Sản	HOSE	4.0
KBC	Bất Động Sản	HOSE	3.6

CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF4	VN-Index
P/E trung vị	11.3	9.2
P/E bình quân gia quyền	11.5	11.1
P/B trung vị	1.8	1.1
P/B bình quân gia quyền	1.9	1.7
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	21.5	15.8
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.3	4.0
Số lượng cổ phiếu	21	309

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF4	VN-Index
Hệ số Beta	0.9	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	16.4	17.3
Hệ số Sharpe	0.3	(0.1)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.